TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn giữa bà X và ông P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thậm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt
2. Bà Huỳnh Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyệnChâu Thành, tỉnh Kiên Giang *không tham gia phiên toà.*

Trong ngày 23 tháng 9 năm2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giangxét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số: 302/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm2019về tranh chấp ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị X** , sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Đ , thị trấn T , huyện TH, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Ông **Trần Thanh P,** sinh năm 1970. (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P , xã M , huyện C , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Vào năm 1991 bà và ông Trần Thanh P tự nguyện quen biết yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống bà và ông P có hai người con chung tên Trần Thanh Đ , sinh năm 1993 và Trần Thị N, sinh năm 1998, hiện các con đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà X xác nhận thời gian đầu vợ chồng bà và ông P chung sống rất hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2012 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên bà và ông P đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay bà X có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Do bà và ông P không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc nuôi con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 22 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Trần Thanh P trình bày:

Vào năm 1991 ông và bà Nguyễn Thị X tự nguyện quen biết yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống ông và bà X có hai người con chung tên Trần Thanh Đ , sinh năm 1993 và Trần Thị N , sinh năm 1998, hiện các con đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phương xác nhận thời gian đầu vợ chồng ông và bà X chung sống rất hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2012 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên ông và bà X đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

Nay ông P có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông P đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị X

Về việc nuôi con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Thanh P được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 01 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông P đều xác nhận ông bà chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng đến nay ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo xác nhận ngày 20/8/2019 của Uỷ ban nhân dân xã M , huyện C xác nhận ông bà không có đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà X và ông P đều xác nhận trong quá trình chung sống ông bà sống hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi với nhau.

HĐXX xét thấy quan hệ chung sống như vợ chồng bà X và ông P từ năm 1991 đến nay là một thời gian dài nhưng ông bà vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này" . Do đó, HĐXX nhận định mối quan hệ giữa ông bà là không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Bà X và ông P đều xác nhận trong thời gian chung sống giữa ông bà có hai người con chung tên Trần Thanh Đ , sinh năm 1993 và Trần Thị N , sinh năm 1998, hiện hai cháu đã trưởng thành nên bà X và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử bà X và ông P đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Xanh là nguyên đơn nên chị phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị X và ông Trần Thanh P .

2. Về nuôi con chung:

Bà X và ông P đều xác nhận trong thời gian chung sống giữa ông bà có hai người con chung tên Trần Thanh Đ , sinh năm 1993 và Trần Thị N , sinh năm 1998, hiện hai con đã trưởng thành nên bà X và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị X và ông Trần Thanh P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0005141 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, như vậy bà X không phải nộp thêm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C ;
- UBND xã M , huyện C , Kiên Giang;
- Lưu: hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Văn Thậm